

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1498/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 29 tháng 6 năm 2026

V/v mời báo giá Vật tư thay thế hệ thống BOP của
NMĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế hệ thống BOP của NMNĐ Sông Hậu 1”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho hàng hóa, dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục *đính kèm*.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu chào tiến độ sớm nhất có thể để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: NMNĐ Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 11/7/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

*Email: dongpv@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; minhnhq01@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

Đính kèm:

- Phụ lục: Danh mục Vật tư thay thế hệ thống BOP của NMĐ Sông Hậu 1

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC
DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ HỆ THỐNG BOP CỦA NMD SÔNG HẬU 1
(Đính kèm công văn số: 1498/NMDSH1-TM ngày 29 tháng 6 năm 2026)

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part NO)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
1	Ξ1303010		Pressure regulation valve	Article-No.: 00.6230	U1.500/1111 D25/15; SNr: 626042/01 Material: Brass/NBR; without check valve; Blowing-off pressure 150 bar;	SPECK	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
		FGD/HP water pump			Model: Aggregat P62/140-150 'Q = 120l/h P = 150 bar P = 37,5 kw n = 690 v/p	SPECK- TRIPLEX- PUMPEN	Châu Âu/G7/OECD			
2	Ξ1700068		O-Ring for 41	Code No: 06.0800			Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
3	Ξ1700072		O-Ring for 41	Code No: 06.0221			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
4	Ξ1700073		Tension Spring	Code No: 07.3105			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
5	Ξ1700076		Support Ring (P62/140-150)	Code No: 07.2654			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
6	Ξ1700077		Sleeve (P62/140-150)	Code No: 06.0824			Châu Âu/G7/OECD	12	PC	*
7	Ξ1700078		Pressure Ring (P62/140-150)	Code No:07.2382			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
8	Ξ1700079		Grooved Ring (P62/140-150)	Code No:06.1211			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
9	Ξ1700080		Spacer Disc (P62/140-150)	Code No: 07.3219			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
10	Ξ1700081		Connecting Rod Assy	Code No:00.4982			Châu Âu/G7/OECD	3	Set	*

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
11	51700082		O-Ring	Code No:06.0632			Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
12	51700083		Crosshead Pin	Code No: 11.0704			Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
13	51700084		Crosshead Assy	Code No: 00.5002			Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
14	51700085		Oil Scraper	Code No: 07.2004			Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
15	51700086		Plunger Connection	Code No: 07.2006			Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
16	51700087		Tension Screw	Code No: 21.0278			Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
17	53293015		Expansion joint raw gas duct		Vật liệu: 25EH-XT/1 MOD Nhiệt độ làm việc thiết kế: 155 độ C Áp suất làm việc thiết kế: 438 mmH ₂ O Tốc độ gió làm việc tối đa: 22 m/s Part: 1	BBV tech	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
18	53293027		Expansion joint raw gas duct		Vật liệu: 25EH-XT/1 MOD Nhiệt độ làm việc thiết kế: 155 độ C Áp suất làm việc thiết kế: 438 mmH ₂ O Tốc độ gió làm việc tối đa: 23 m/s Part: 1	BBV tech	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
19	53293016		Expansion joint GGII raw gas inlet		Vật liệu: 25EH-XT/2 MOD Nhiệt độ làm việc thiết kế: 155 độ C Áp suất làm việc thiết kế: 418 mmH ₂ O Tốc độ gió làm việc tối đa: 15 m/s Part: 1	BBV tech	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
20	53293018		Expansion joint Absorber inlet		Vật liệu: VITON-B Nhiệt độ làm việc thiết kế: 128 độ C Áp suất làm việc thiết kế: 316 mmH ₂ O Tốc độ gió làm việc tối đa: 15 m/s Part: 1	BBV tech	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
21	53293024		Expansion joint raw gas duct		Vật liệu: VITON-B Nhiệt độ làm việc thiết kế: 155 độ C Áp suất làm việc thiết kế: 438 mmH ₂ O	BBV tech	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					Tốc độ gió làm việc tối đa: 22 m/s Part: 1					
		FGD/Oxidation air blower	FGD/Oxidation air blower		Model Designation: 826 TRI-RAM, DIN FLG, LB Part Number: RC-2054620LB Tuyp: Root Rotary Lobe Blower	ROOTS/Gardner Denver NASH				
22	51353004		REPAIR KIT		Part No: RK800TRI00TBao gồm: (Part no tên số lượng dvt)+ 13728008; TOOL, SEAL INSTALL (INBRD) 800 TRI-RAM; 2EA+ 13365029; TOOL, SEAL INSTALL (DRV) 800 TRI; 1EA+ 57178021; GSKT, HDPL 800 RCS-J; 2EA+ 640950SS; SIHM SET 8" RCS-J; 1EA+ RH-205426020; BRG ROLLER MACH NJ2218EC; 4EA+ 13309042; SEAL, HYDRO(PTEF)(T-27704-CW); 2EA+ 13309043; SEAL, HYDRO(PTEF)(T-27704-CCW); 2EA+ 12283019; PISTON, RING-SEAL 4.503; 4EA+ 10135019; WSHR, SPR WAVY 5.817 OD; 2EA+ 10729004; SCR, CAP SOCH 7/8-9X3.00; 2EA+ 13440004; SEAL, HYDRO(PTEF)(T-13716); 1EA+ 10049008; WSHR SPR LOCK 7/8M; 1EA+ 12066001; SIGHT PLUG-OIL LEVEL 3/4"NPT; 2EA+ RH-201287020; SLV, PISTON-RING 800 TRI-RAM; 4EA+ 67884012; SLGR DE 8" RCS-J; 1 EA+ 66996012; SLGR GE 8" RCS; 1EA+ 10181013; WSHR, PLAIN FLAT 7/16 ID; 1EA+ 10219003; SCR, CAP BUTH NYLON 3/8-16X1/2; 2EA+ 10342001; SCR, CAP HEX 7/8-9X1.50; 1EA+ 12750003; WSHR, HDN 29/32 ID; 2EA+ 10068054; PIN, SPR	Ingersoll-Rand	China	1	Set	*

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					3/16X1.00; 11EA+ 10409010; BALL STEEL 1/4; 41A					
		Primary hydrocyclone station			Type: ZVI 2 x 8 gi Hydrocyclone AKA-VORTEX type: KRS 3128 V -/ H (G)	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD			
23	51951206		Butterfly valve	POS: 2014I65H003 17	ANSI 3" x 46 x 271; Handhebel 1land lever 243 mm Material: EN-JS 1072 (GGG 40) / Is still to be clarified / EPDM	AVK InterApp	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	
24	53293009		Overflow elbow	POS: 2016A58H00 019	Size: DØ= 90; t= 4,3; l= (2450)Material: PVC-C	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
25	53293001		Hydrocyclone	POS: 2014E65H002 03	Size: KRS 3128 (Ø= 150 mm; l= 1183; DN 80); eff. approx. 12 Ltr. Material: Polyurethan Polyurethane (015)	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD	8	PC	*
26	53293002		Grip clamp NW 115	POS: 2014B69H00 139	Size: GBS 117/25 Art.- No.: 10667 Material: 1.4571 (A4-70)	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
		FGD/ Vacuum filter			Model: HVBF-24	TECNIPLANT SPA	Châu Âu/G7/OECD			
27	48890005		Dây đai chèn buồng chân không	3.100.534	Loại dây: SBR - 630/3 Vật liệu: SBR Chu vi: 27.420 mm Bề rộng 38mm Độ dày 10mm	TECNIPLANT SPA	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
28	53293012		Molla ad aria WIFORMA WBZ 100 G1/8	1.100.697	Item no: 3	TECNIPLANT SPA	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
29	53293011		Tela filtrante		Item no: 20	TECNIPLANT SPA	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
30	48890001		Spray nozzle		Part No: 1.100.824Model/Type: 1/4" GAS-A95°	TECNIPLANT SPA	Châu Âu/G7/OECD	12	PC	*
		FGD/LIMESTONE MILL (BALL MILL)			- Ball Mill: D 2.6 x 6.0 m, CP245717 - Number of grinding chamber: 1 - Mill speed: 20.5 rpm	Christian Pfeiffer	Châu Âu/G7/OECD			

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					- Main motor speed: 1493 rpm - Installed power main motor: 500 KW - Installed power auxiliary drive: 5.5 KW, 1445 rpm - Bearing type: Slide shoe bearing - Main Gear box type: + Helical gear unit 2-stage PC40-R11-V21-10-Z7 + Ratio 1 = 10.13 - Auxiliary Gear box type: + Helical-bevel geared brake motor SK 9052.1 VF + Ratio 1 = 102.4					
31	54201002		Sealing	Ident Pos:CP24906 4	64x50x10000		Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
32	51794013		Pump LU 027 FLPS 2012		Projekt: L1 3811 141 SN: 0-01016113-0010 Teil: L8R4A9 Bezeichnung: LU FPLS-AS-230-230-A-6-12L/8L-VA-1-N-3-RL LU 027 A07 Type: Z9T2A7 No: 55746 Ratio: 50	LUBAC	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
		FGD/Fluid coupling	P0HTK10AJ001 P0HTK30AJ001		Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-001/02 Article-no.: TK16A.026	KWD				
33	51746020		Fusible plug		Fusible plug for Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-001/02; Article-no.: TK16A.026 Item number: 160210000000	KWD	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
34	50400042		Groove ball bearing		Groove ball bearing for Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-	KWD	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					001/02; Article-no.: TK16A.026 Item number:M5610603600					
35	48564415		Oil seal		Oil seal for Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-001/02; Article-no.: TK16A.026 Item number:M546172015827	KWD	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
36	48536202		O-ring		O-ring for Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-001/02; Article-no.: TK16A.026 Item number:M5462300580	KWD	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
37	48532204		O-ring		O-ring for Labelling coupling: KWD-00290-710-06/19-001/02; Article-no.: TK16A.026 Item number:M5460305508	KWD	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
		FGD/ Primary hydrocyclone station			Type: ZVF 8 gi Hydrocyclone AKA-VORTEX type: KRT/S 2128 II -/ D €	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD			
38	51951001		Butterfly valve		Model: Desponia Nominal size:DN 50 Mode of operation: Hand lever	AVK InterApp	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
39	53293010		Overflow nozzle		Overflow nozzle ZS5B	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
40	53293014		Hydrocyclone		Feed part CS1A	AKA-SPIDER	Châu Âu/G7/OECD	8	PC	*
41	51951005		Lug body butterfly valves DN200		-Size: DN200 - Series: 31 -Body: A536 -Seat: EPDM -Disc: 5A -Stem: 416SS -FLG: 125# 150# -TRIM: 3M8 -CWP: 250 PSI -SHUT: 175 PSI	Bray	Malaysia	1	PC	
42	51951009		Lug body butterfly valves DN250		-Size: DN250- Series: 31 -Body: A536 - Seat: EPDM -Disc: 5A -Stem: 416SS -	Bray	Malaysia	1	PC	

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					FLG: 125# 150# -TRIM: 3M8 -CWP; 250 PSI -SHUT: 175 PSI					
43	51951013		Lug body butterfly valves DN300		-Size: DN300 - Series: 31 -Body: A536 -Seat: EPDM -Disc: 5A -Stem: 416SS -FLG: 125# 150# -TRIM: 3M8 -CWP: 250 PSI -SHUT: 175 PSI	Bray	Malaysia	1	PC	
		Hệ thống làm sạch nước ngưng								
44	51992003		Ball valve		Type: Ball Model: F15/S7000 Body: A351 CF8 Class: 600 DN: 25 Disc: A351 CF8 Ball: RTFE Connection type: SW	Bray	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	
45	51992004		Ball valve		Model: F15/S7000 Body: A351 CF8 Ball: A351 CF8 Seat: RTFE Size: DN=15 Class: 600 Connection type: SW	Bray	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	
46	51992006		Ball valve		Model: F15/S7000Body: A351 CF8Ball: A351 CF8Seat: RTFESize: DN=40Class: 600Connection type: SW	Bray	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	
47	51992007		Ball valve		Model: F15/S7000 Body: A351 CF8 Ball: A351 CF8	Bray	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					Seat: RTFE Size: DN=80 Class: 600 Connection type: SW					
		FGD/Rubber expansion joint								
48	48151019		Rubber expansion joint DN80		-Size: DN80- PN16 -Material: EPDM -Flange material:carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150 - Length face to face: 150mm		Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
49	48151022		Rubber expansion joint DN200		-Size: DN200- PN16 -Material: EPDM -Flange material:carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150 - Length face to face: 175mm		Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
50	48151023		Rubber expansion joint DN250		-Size: DN250- PN16 -Material: EPDM - Flange material:carbon steel galvanized - Flanges ASME B16.5 Class 150 - Length face to face: 175mm		Châu Âu/G7/OECD	1	PC	
51	48151024		Rubber expansion joint DN300		-Size: DN300- PN16 -Material: EPDM -Flange material:carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150 - Length face to face: 200mm		Châu Âu/G7/OECD	1	PC	
52	48151025		Rubber expansion joint DN350		-Size: DN350- PN16 -Material: EPDM -Flange material:carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150 - Length face to face: 200mm		Châu Âu/G7/OECD	1	PC	
		FGD/Actuator								
53	39555006		Pneumatic Actuators Spring Return Size 83		Part no: 93-0834-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	3	Set	*



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
54	39555012		Pneumatic Actuators Spring Return Size 160		Part no: 93-1604-11300-532/CQ80Type: Spring ReturnMax pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	1	Set	*
55	54101022		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 83		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-0834-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	10	PC	*
56	54101001		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 93		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-0935-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	7	PC	*
57	54101004		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 119		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1195-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	10	PC	*
58	54101007		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 128		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators:Part no: 93-1284-11300-532/CQ80Type: Spring ReturnMax pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	8	PC	*
59	54101010		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 160		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1604-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	20	PC	*
60	54101019		Spring Cartridge Pneumatic Actuators Spring Return Size 210		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2104-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	8	PC	*
61	54101025		Spring Cartridge Pneumatic Actuators		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2554-11350-532/CQ80	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
			Spring Return Size 255		Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI					
62	54101023		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 83		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-0834-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
63	54101020		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 93		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-0935-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
64	54101003		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 119		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators:Part no: 93-1195-11300-532/CQ80Type: Spring ReturnMax pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
65	54101006		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 128		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1284-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
66	54101009		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 160		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1604-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	16	PC	*
67	54101012		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 210		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2104-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
68	54101017		Guide Ring, Acetal Pneumatic Actuators Spring Return Size 255		Guide Ring, Acetal for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2554-11350-532/CQ80	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI					
69	54101021		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 83		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-0834-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	6	PC	*
70	54101002		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 93		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators:Part no: 93-0935-11300-532/CQ80Type: Spring ReturnMax pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
71	54101005		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 119		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1195-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
72	54101008		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 128		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1284-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
73	54101011		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 160		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-1604-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	15	PC	*
74	54101018		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 210		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2104-11300-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
75	54101016		O-ring, Piston Pneumatic Actuators Spring Return Size 255		O-ring, Piston for Pneumatic Actuators: Part no: 93-2554-11350-532/CQ80 Type: Spring Return Max pressure: 140 PSI	BRAY	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
		Sludge Pump KWM1.5x1 RM			- Pump Model: KWM1.5x1 RM- Nozzle:+ Suction: 40A (1.5"), ANSI 150lb+ Discharge: 25A (1"), ANSI 150lb	KEUMDUK PUMP				

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
76	51700043		Cover liner		Material: NBR	KEUMDUK PUMP	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
77	51700021		Volute liner		Material: NBR	KEUMDUK PUMP	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
		Unit 1/2/3 Pre-Heater			Plate Heat Exchanger 127,826 kcal/hr W328 X L785 X H1,251 TITANIUM / EPDM Model: HT064H-1P-43	LHE				
78	48865010		Gasket		Vật liệu: EPDM		Châu Âu/G7/OECD	10	PC	*
		WWT FGD/Actuator								
79	54101013		Spring cartridge Actuator EL-O-Matic		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Type: F seri; F25-F600 Type: Spring Return Material: Spring Steel	EL-O-Matic	Châu Âu/G7/OECD	34	PC	*
80	54101014		Bearing piston Actuator EL-O-Matic		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Type: F seri; F25-F600 Type: Spring Return Material: PTFE 25% carbon-filled	EL-O-Matic	Châu Âu/G7/OECD	10	PC	*
81	54101015		O-ring piston Actuator EL-O-Matic		Spring Cartridge for Pneumatic Actuators: Type: F seri; F25-F600 Type: Spring Return Material: Nitrile rubber	EL-O-Matic	Châu Âu/G7/OECD	10	PC	*
		Valve								
82	51995011		Diaphragm valve DN50		-Size: DN50 -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
83	51995012		Diaphragm valve DN80		-Size: DN80-Rating: 150#-Connect type: FF-Body: UPVC-Seat: EPDM-Shaft(trim): UPVC-Disk(ball): UPVC		Châu Âu/G7/OECD	1	PC	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
84	51995015		Diaphragm valve DN15		-Size: DN15 -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
85	51746009	Pump	Flexible couplings		Flexible for couplings: Max Dynamic No. D-2HT Type: Omega	Dynamic	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
		Equalization pump			- Model: TO-8-SVEX- Capacity: 0.03 M3/Min- Discharge Pressure: 0.8 Bar- Total Head: 8 m- Shut-Off Head: 8 m	SHIN SHIN PUMP	Châu Âu/G7/OECD			
86	48521167		Mechanical Seal		SIC/SIC	SHIN SHIN PUMP	Châu Âu/G7/OECD	1	Set	*
87	48564485		Oil Seal		N.B.R		Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
88	51997007		Isolation valve Sampling		-Size: DN10 -SS316 BTD Grafoil -VH16B-F-8N-GF-R-S 10000 PSIG @ 100 độ F GC22 -Valve type: Needle -Connect type: Tube Lok	DK-LOK	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	
89	51746010	WWT/Waste Water pump	Flexible couplings		- Quadra-Flex® Sleeves for coupling:- Type: H-Coupling size: 8	Martin	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
90	48521023		Mechanical seal		Type: TDSL2-80	TSCHAMBER	Châu Âu/G7	1	PC	

Các yêu cầu khác:

- Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế (spare part/soft part, chỉ thể hiện vật liệu và vị trí lắp đặt trong bản vẽ, không có thông số kỹ thuật chi tiết về kích thước) cho hệ thống BOP là thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), **đối với các Mục (*) VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.**

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng.

- Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.;
 - Chứng từ kèm theo hàng hóa: Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/COC) cung cấp bởi nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu có tính chất tương tự.
- * Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa và đính kèm file excel của Bảng báo giá.**

